TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ NINH** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-7-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ NINH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Kim Anh

Bà Nguyễn Thị Kim Thạch

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2024/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị B, sinh năm 1999; địa chỉ: Xóm 12, thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Bình Định. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lê Hoàng V, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Lê Thị B trình bày: Chị víi anh Lê Hoàng V tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Quảng Nam vào năm 2018. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V cờ bạc, rượu chè, nghiện ngập, không lo cho gia đình. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ ngày 30 tháng 4 năm 2023 đến nay, hiện anh V đang chấp hành cai nghiện bắt buộc tại Trại Cai nghiện N, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh. Đến nay, chị B thấy

tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Lê Hoàng V.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị B và anh V có 01 con chung là Lê Hoàng C, sinh ngày 12-8-2018. Khi ly hôn, chị B có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Lê Hoàng V trình bày: Anh V và chị B tổ chức lễ cưới vào năm 2017 và đã có với nhau một người con chung. Hiện nay, vợ chồng không muốn sống chung nữa nên anh V đồng ý ly hôn theo yêu cầu của vợ. Về con chung: Chị Lê Thị B sẽ là người trực tiếp nuôi con chung, anh V không cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, anh V đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính để đưa đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở Cai nghiện số 3 nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam giải quyết, xét xử vắng mặt. Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng; nguyên đơn và bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị B.

Về hôn nhân: Áp dụng các Điều 56, 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Lê Thị B và anh Lê Hoàng V ly hôn.

Về nuôi con chung: Áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Lê Hoàng C, sinh ngày 12-8-2018 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và yêu cầu giải quyết về nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Lê Hoàng V cư trú tại thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị B và anh Lê Hoàng V tự nguyện tìm hiểu và xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Quảng Nam vào ngày 02-4-2018, là hôn nhân hợp pháp. Chị B cho rằng sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V cờ bạc, rượu chè, nghiện ngập, không lo cho gia đình. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ ngày 30 tháng 4 năm 2023 đến nay. Anh V cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị B. Hiện nay, anh V đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở Cai nghiện số 3 (địa chỉ: Ấp 5, xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương). Xét thấy, các bên đều không mong muốn hòa giải để hàn gắn quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn giữa chị B và anh V thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V, là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị B và anh V có 01 con chung là Lê Hoàng C, sinh ngày 12-8-2018. Khi ly hôn, chị B có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung. Anh V cũng thống nhất giao con cho vợ nuôi vì hiện nay anh V đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc nên không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung. Do đó, cần giao cháu Lê Hoàng C cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu C thành niên (Đủ 18 tuổi) là phù hợp và đảm bảo quyền lợi cho cháu C. Chị B không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản chung: Chị B và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị B và anh V khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị B và anh Lê Hoàng V ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Lê Hoàng C, sinh ngày 12-8-2018 cho chị Lê Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Thị B phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng chị Lê Thị B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0017873 ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Chị Lê Thị B đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Tam Lãnh;
- VKSND huyện Phú Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đinh Văn Long